

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT
Ngày 09-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 23/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị A; nơi ĐKKHKT: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn Du Viên, xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn B; nơi cư trú: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng C; địa chỉ: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội; vắng mặt;

+ Bà Đỗ Thị D; nơi cư trú: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Vũ Thị A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là Chị Vũ Thị A trình bày như sau:

Chị và Anh Vũ Văn B tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng từ năm 1993, nhưng không lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn. Đến ngày 11-11-2011, vợ chồng chị làm đăng ký kết hôn lại. Quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự chia sẻ, quan tâm nhau. Chị thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn Anh B.

Về con chung: Anh chị có 05 con chung là Vũ Thị Thu Thủy, sinh ngày 06-02-1994, Vũ Thị Kim Ngân, sinh ngày 30-4-2001, Vũ Thị Kim Trang, sinh ngày 30-3-2003, Vũ Anh Đạt, sinh ngày 26-5-2012 và Vũ Thị Thanh Nhân, sinh ngày 09-6-2022. Chị không đi làm từ khi sinh cháu Nhân. Anh B có thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ mỗi tháng. Đề nghị giao 02 con Đạt, Nhân cho Anh B nuôi hoặc giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Đạt, Nhân, nhưng Anh B phải cấp dưỡng nuôi con Đạt 2.500.000 đồng/ mỗi tháng, con Nhân 4.500.000 đồng/ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị sở hữu nhà đất một tầng có diện tích 57,2 m² thuộc thửa đất số 46A, tờ bản đồ số 218B1; địa chỉ: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG836311, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS1196/AL cấp ngày 06-7- 2022 của UBND huyện An Lão (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ số DG836311). Đề nghị phát mại nhà đất 57,2 m² và chia cho anh chị mỗi người 1/2 số tiền phát mại nhà đất này hoặc giao nhà đất cho chị và chị sẽ vay tiền thanh toán tiền chênh lệch giá trị nhà đất cho Anh B.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có vay Ngân hàng C huyện An Lão 70.000.000, trong đó: Vay chương trình nước sạch 20.000.000 đồng, vay chương trình hộ mới thoát nghèo 50.000.000 đồng. Đề nghị anh chị mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng Chính xã Xã hội tính đến ngày 10-8-2023 là 70.391.302 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi 391.302 đồng. Ngoài ra, vợ chồng không nợ chung người khác và cũng không cho người khác vay nợ chung.

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, Anh Vũ Văn B trình bày:

Thông nhất với nguyên đơn về kết hôn, mâu thuẫn, quá trình chung sống vợ chồng, con chung, thu nhập của anh chị, tài sản chung. Anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, nên anh đồng ý ly hôn Chị A. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đạt, còn Chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhân, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đề nghị giao toàn bộ nhà đất đang tranh chấp 57,2 m² cho anh quản lý, sử dụng để tiếp tục nuôi mẹ già, cùng cháu Đạt, nhưng không đồng ý thanh toán một nửa giá trị nhà đất. Thừa nhận tự

nguyện ký kết Giấy ủy quyền ngày 26-4-2021, nhưng không đồng ý thanh toán tiền vay cho Ngân hàng C.

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C là bà Nguyễn Thị Văn Khánh trình bày:

Anh Vũ Văn B ủy quyền cho Chị A đại diện hộ gia đình giao kết, vay vốn và chịu trách nhiệm đối với khoản nợ tại Ngân hàng C theo Giấy ủy quyền ngày 26-4-2021, có sự chứng kiến của trưởng thôn, chứng thực của UBND xã Tân Viên, huyện An Lão. Vợ chồng Chị A vay 70.000.000 đồng để thực hiện phương án mắc nước máy, xây nhà vệ sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay nước sạch vệ sinh đề ngày 27-4-2021; được Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện An Lão phê duyệt ngày 10-5-2021. Ngân hàng giải ngân cho vay vốn cụ thể như sau: Khế ước nhận nợ ngày 12-05-2021 vay Chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 20.000.000 đồng, mục đích: Mắc nước máy xây nhà vệ sinh; thời hạn cho vay 60 tháng từ ngày 12-05-2021; lãi suất: 0,750%/tháng, lãi suất quá hạn 0.9750% tháng. Khế ước nhận nợ ngày 12-04-2022 vay Chương trình Hộ mới thoát nghèo (HTN) với số tiền 50.000.000 đồng; mục đích: Mua máy phay đất; thời hạn cho vay 60 tháng từ ngày 12-04-2022; lãi suất: 0,6875%/ tháng, lãi suất quá hạn 0.8938% tháng. Theo thừa nhận của nguyên đơn sử dụng tiền vay không đúng cam kết, nên Ngân hàng C yêu cầu bà Vũ Thị Liễu, ông Vũ Văn Tuấn phải thanh toán tạm tính đến ngày 10-8-2023 là 70.391.302 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi 391.302 đồng. Chị A, Anh B phải trả lãi tính trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

Tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đỗ Thị D được triệu tập hợp lệ, nhưng không trình bày ý kiến.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con, tài sản chung khi ly hôn.

1. Chị Vũ Thị A thuận tình ly hôn Anh Vũ Văn B.

2. Giao Chị Vũ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị Thanh Nhân, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2022 và giao Anh Vũ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Anh Đạt, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh B, Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho Anh Vũ Văn B được sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 57,2 m² thuộc thửa đất số 46A, tờ bản đồ số 218B1; địa chỉ: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG836311, sổ vào sổ cấp GCN:

CS1196/AL cấp ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão và Anh Vũ Văn B phải thanh toán cho Chị Vũ Thị A 135.800.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Anh Vũ Văn B, Chị Vũ Thị A phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng C tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 tổng số tiền là 70.391.302 đồng (Bảy mươi triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, ba trăm linh hai đồng), trong đó: Dư nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi 391.302 đồng. Chia kì phần cho Anh B, Chị A mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng C tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 là 35.195.651 đồng (Ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, Anh Vũ Văn B, Chị Vũ Thị A còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Khế ước nhận nợ ngày 12 tháng 5 năm 2021, Khế ước nhận nợ ngày 12 tháng 4 năm 2022. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 21/8/2023, Chị Vũ Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng như sau:

Về con chung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho Chị A trực tiếp nuôi hai con chung là Vũ Anh Đạt, sinh ngày 26/5/2012 và Vũ Thị Thanh Nhân, sinh ngày 09/6/2022. Anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Vũ Anh Đạt với số tiền 02 triệu đồng một tháng, con Vũ Thị Thanh Nhân số tiền 03 triệu đồng một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Với lý do cháu Đạt có nguyện vọng được ở với chị để Chị A có thể chăm lo cho cháu, không bị ảnh hưởng đến tâm lý và việc học tập của cháu; cháu Nhân còn nhỏ, Chị A phải gửi cháu Nhân ở nhà trẻ mới có thể đi làm được.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho Chị A diện tích đất 57,2m² và công trình trên đất, Chị A có trách nhiệm thanh toán cho Anh B 135.000.000 đồng với lý do Chị A sức khỏe yếu, cần có chỗ ở để chăm sóc con nhỏ. Về khoản trả tiền cho Bà Đỗ Thị D, bà Nhỡ không đóng góp cho Chị A 40 triệu đồng làm nhà nên Chị A không trả tiền cho bà Nhỡ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Vũ Thị A thay đổi một phần nội dung kháng cáo, trường hợp chị được giao nuôi cả hai con chung thì chị không yêu cầu Anh Vũ Văn B cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Văn B giữ nguyên quan điểm trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Vũ Thị Liễu, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng về án phí theo hướng bà Liễu và ông Tuấn phải chịu án phí thuận tình ly hôn mỗi người 150.000 đồng và mỗi người phải chịu 5.030.217 đồng án phí đối với tài sản được hưởng, 1.760.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ với người thứ ba. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo là bà Vũ Thị Liễu không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý xét xử phúc thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung:

[3] Về con chung: Xét kháng cáo của Chị Vũ Thị A về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể

hiện: Hiện nay Chị A đi làm thuê theo ngày và cấy ruộng, Anh B làm sắt được trả công theo ngày. Chị A và Anh B hiện đang ở chung một nhà. Như vậy, Chị A và Anh B đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con chung là ngang nhau. Tuy nhiên, cháu Đạt có nguyện vọng được ở với mẹ với lý do Anh B bận làm ăn không có điều kiện chăm sóc cháu. Tại phiên tòa, Anh B cũng trình bày anh làm sắt không cố định về thời gian, có những hôm đi làm từ sáng đến tối mới về. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đạt cho Chị A nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của mỗi bên và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Đối với cháu Nhân, do cháu còn nhỏ (mới hơn 01 tuổi) nên cần sự chăm sóc của người mẹ, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nhân cho Chị A nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chị A về con chung, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Chị Vũ Thị A trình bày, trường hợp chị được nuôi hai con thì chị không đề nghị Tòa án buộc Anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Chị Vũ Thị A tạm thời không yêu cầu Anh Vũ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Xét kháng cáo của Chị Vũ Thị A về việc yêu cầu giao cho Chị A diện tích đất 57,2m² và công trình trên đất và Chị A có trách nhiệm thanh toán cho Anh B 135.000.000đồng: Anh B, Chị A cùng xác nhận nhà và đất có diện tích 57,2 m² thuộc thửa đất số 46A, tờ bản đồ số 218B1; địa chỉ: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của vợ chồng, anh chị cùng đóng góp công sức trong việc xây dựng nhà cửa và chung sống cùng nhau trên diện tích đất này từ năm 2020. Chị A, Anh B đều có nhu cầu về chỗ ở, hiện nay không có nơi ở nào khác ngoài căn nhà trên diện tích đất đang tranh chấp. Nơi ở tại thôn Du Viên, xã Tân Viên là của ông bà nội Chị A, hiện đã cho anh Vũ Văn Độ được hưởng thừa kế. Tại cấp phúc thẩm, Chị A được giao nuôi cả hai con chung trong đó có con chung mới hơn một tuổi nên cần có nơi ở ổn định để chăm sóc con nhỏ và đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu Đạt một cách tốt nhất. Anh B trình bày hiện phải chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ già, ốm đau và sắp xếp chỗ ở hợp lý cho bà Nhỡ. Xét, nhu cầu của Anh B và Chị A về việc muốn được giao nhà và đất đều chính đáng. Tuy nhiên, Anh B là đàn ông, có khả năng tìm nơi ở mới thuận lợi hơn Chị A, Chị A là phụ nữ, hiện nuôi hai con chưa thành niên nên việc tìm nơi ở mới sẽ khó khăn hơn Anh B. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ khi ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm, giao nhà và đất cho Chị A được quản lý sử dụng và Chị A có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho Anh B. Nhận thấy, Chị A được giao nhà và đất, không phải mất công sức trong việc tìm nơi ở, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện gia đình Anh B đóng góp công sức nhiều hơn trong việc xây dựng nhà cửa nên Chị A có trách nhiệm hỗ trợ thêm cho Anh B số tiền 20.000.000 đồng để Anh B

tìm được nơi ở mới. Như vậy, Chị A sẽ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho Anh B là 155.800.000 đồng.

[6] Trong thời gian Anh B chưa tìm được nơi ở mới, Anh B, bà Nhõ có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

[7] Xét kháng cáo của Chị Vũ Thị A về việc không đồng ý trả khoản tiền 40 triệu đồng cho Bà Đỗ Thị D đóng góp cho Anh B, Chị A làm nhà: Tại cấp sơ thẩm đã nhận định không có đương sự nào trong vụ án yêu cầu giải quyết về số tiền Anh B sử dụng của bà Nhõ thanh toán chi phí nguyên vật liệu xây nhà từ năm 2015 nên không xem xét, giải quyết. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm tuyên Chị A và Anh B mỗi người phải chịu án phí 8.700.000 đồng là chưa đúng theo **quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết** số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Cụ thể, trong vụ án trên, Anh B và Chị A mỗi người được chia 135.800.000 đồng tài sản chung và mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ là 35.195.651 đồng. Như vậy, án phí đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi nghĩa vụ với bên thứ ba là $(271.600.000 \text{ đồng} - 70.391.302 \text{ đồng}) = 201.208.698 \text{ đồng} / 2 = 100.604.349 \text{ đồng}$ là 5.030.217 đồng. Án phí thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba (trên 70.391.302 đồng) là 3.519.565 đồng, mỗi người chịu 1.759.782 đồng. Tổng cộng mỗi người chịu 6.789.999 đồng. Bản án sơ thẩm tuyên án phí mỗi người phải chịu 8.700.000 đồng là thiệt hại cho đương sự. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm như phân tích nêu trên.

[9] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chị Vũ Thị A, sửa Bản án số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo hướng phân tích nêu trên.

[10] Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị A không phải chịu án phí **dân sự** phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 5 Điều 59; Điều 63; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của Chị Vũ Thị A; Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A thuận tình ly hôn Anh Vũ Văn B.

1.2. Về con chung: Giao Chị Vũ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị Thanh Nhân, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2022 và con Vũ Anh Đạt, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Vũ Thị A tạm thời không yêu cầu Anh Vũ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Giao cho Chị Vũ Thị A được sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 57,2 m² thuộc thửa đất số 46A, tờ bản đồ số 218B1; địa chỉ: Thôn Câu Hạ A, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (có sơ đồ kèm theo với mốc giới 1-2-5-6-1), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG836311, số vào sổ cấp GCN: CS1196/AL cấp ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão.

Chị Vũ Thị A phải thanh toán cho Anh Vũ Văn B số tiền 155.800.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong thời gian Anh B chưa tìm được nơi ở mới, Anh B, bà Nhỡ có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

1.4. Về nợ chung: Anh Vũ Văn B, Chị Vũ Thị A phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng C tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 tổng số tiền là 70.391.302 đồng (Bảy mươi triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, ba trăm linh hai đồng), trong đó: Dư nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi 391.302 đồng. Chia kỉ phần cho Anh B, Chị A mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng C tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 là 35.195.651 đồng (Ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, Anh Vũ Văn B, Chị Vũ Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Khế ước nhận nợ ngày 12 tháng 5 năm 2021, Khế ước nhận nợ ngày 12 tháng 4 năm 2022. Trường hợp các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Vũ Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, án phí chia tài sản chung là 5.030.217 đồng và án phí thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba là 1.759.782 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng Chị Vũ Thị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001399 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, hoàn lại số tiền chênh lệch cho Chị Vũ Thị A là 11.060.000 đồng (mười một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Anh Vũ Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, án phí chia tài sản chung là 5.030.217 đồng và án phí thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba là 1.759.782 đồng, tổng cộng Anh Vũ Văn B phải chịu án phí sơ thẩm là 6.940.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.2 **Về án phí dân sự phúc thẩm:** Chị Vũ Thị A không phải chịu án phí **dân sự** phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị Vũ Thị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005743 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về quyền thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- **TAND huyện An Lão; thành phố Hải Phòng;**
- **Chi cục THADS huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;**
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Anh Sơn Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Hồng Bàng; thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy

